

Số: /BC-UBND

Kon Rẫy, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2023, giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2023-2025 và định hướng triển khai trong giai đoạn 2026-2030

Kính gửi:

- Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh.
- Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh.
- Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh.
- Ban Dân tộc tỉnh.

Thực hiện Công văn số 1167/SKHĐT-ĐT ngày 11/5/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh về việc khẩn trương báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

UBND huyện Kon Rẫy báo cáo tình hình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2023, giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2023-2025 và định hướng triển khai trong giai đoạn 2026-2030 như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2023

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Hoạt động của Ban Chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia các cấp và công tác điều phối, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện 03 chương trình

- Huyện đã thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện Kon Rẫy giai đoạn 2021-2025⁽¹⁾; thành lập Tổ giúp việc; phân công thành viên Ban chỉ đạo phụ trách địa bàn các xã, thị trấn đề hướng dẫn, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện các chương trình theo quy định; đồng thời chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thành lập Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý các Chương trình MTQG trên địa bàn giai đoạn 2021-2025, đến nay đã có 7/7 xã, thị trấn đã thành lập. Triển khai các văn bản hướng dẫn và chỉ đạo các đơn vị, địa phương tổ chức, triển khai

⁽¹⁾ Quyết định 161/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Kon Rẫy giai đoạn 2021-2025; Quyết định 918/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia huyện Kon Rẫy giai đoạn 2021-2025.

thực hiện các nguồn vốn thuộc các Chương trình MTQG đảm bảo kịp thời, đúng quy định và kế hoạch đề ra⁽²⁾.

- Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện từng chương trình: Tăng cường giữa chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị trong quá trình khai thực hiện chương trình. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm trong chỉ đạo. Thực tế cho thấy nơi nào, địa phương nào cấp uỷ, chính quyền quan tâm chỉ đạo, có sự phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị ở địa phương, thực hiện phân cấp, mở rộng sự tham gia của người dân thì nơi đó giảm nghèo đạt hiệu quả cao và ngược lại.

2. Quản lý, điều hành và văn bản hướng dẫn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

2.1 Kết quả ban hành văn bản quản lý, điều hành theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP: *(Tại Phụ lục kèm theo)*.

2.2 Đánh giá thuận lợi, khó khăn:

- Thuận lợi: Năm 2022-2023 là năm đầu tiên thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025; quá trình tổ chức triển khai thực hiện luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành nhất là sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sát sao của Huyện uỷ, Ban Thường vụ Huyện uỷ, giám sát của HĐND huyện; với sự tập trung, quyết liệt chỉ đạo, điều hành của UBND huyện do đó trong năm việc triển khai thực hiện các chương trình trên địa bàn cơ bản đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, mang lại những kết quả bước đầu; công tác giảm nghèo thực hiện vượt so với mục tiêu đề ra; Chương trình xây dựng nông thôn mới; các chính sách dân tộc, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, chăm sóc sức khỏe, giáo dục - đào tạo... được triển khai kịp thời, góp phần từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân trên địa bàn.

- Khó khăn: Công tác triển khai thực hiện Chương trình MTQG trên địa bàn còn gặp một số khó khăn, vướng mắc; quá trình thực hiện hoàn thành các hồ sơ, thủ tục theo quy định có nội dung triển khai còn chậm, lúng túng. Một số quy định, hướng dẫn về định mức, chính sách hỗ trợ chậm được ban hành dẫn đến đơn vị, địa phương gặp khó khăn trong việc tổ chức triển khai thực hiện. Công tác xã hội hóa huy động nguồn lực trong Nhân dân, doanh nghiệp nhất là tại các thôn, xã đặc biệt khó khăn còn hạn chế, nhiều khó khăn.

3. Công tác truyền thông, thông tin về các chương trình mục tiêu quốc gia

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với cuộc vận

⁽²⁾ Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025.

động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững*” Phát động các phong trào thi đua nhằm huy động cả hệ thống chính trị từ huyện xuống cơ sở cùng tham gia thực hiện. Nâng cáo chất lượng thông tin trên các phương tiện truyền thông, đặc biệt với các cấp cơ sở. Mở các chuyên trang, chuyên mục trên các phương tiện thông tin đại chúng về mục tiêu nhiệm vụ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện.

- Tăng cường năng lực tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình truyền thông, hiệu quả truyền thông và từ đó rút kinh nghiệm trong triển khai, thực hiện. Đồng thời, cần tuyên truyền những mô hình hay, những cách làm tốt của các địa phương, tổ chức, cá nhân.

4. Hoạt động theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

- Thường xuyên theo dõi, có kế hoạch giám sát thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia từ đó kịp thời hướng dẫn cho các địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình.

- Cộng đồng người dân trực tiếp đề xuất kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, nghiệm thu kết quả thực hiện và sử dụng từ đó các chương trình dự án triển khai có hiệu quả hơn.

II. CÔNG TÁC CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2021, NĂM 2022, 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 VÀ ƯỚC ĐẾN NGÀY 31/12/2023

1. Cân đối nguồn lực từ ngân sách nhà nước

1.1 Tình hình phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2022

- *Vốn ngân sách Trung ương*: 50.532 triệu đồng. Trong đó: Chương trình MTQG XD Nông thôn mới: 17.700 triệu đồng; Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng DTTS&MN: 24.476 triệu đồng ; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 3.356 triệu đồng.

- *Vốn ngân sách địa phương thực hiện theo Nghị quyết số 21,22,23/NQ-HĐND ngày 23/06/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh*: 16.778 triệu đồng. Trong đó: Chương trình MTQG XD Nông thôn mới: 10.640 triệu đồng; Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng DTTS&MN: 5.785 triệu đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 363 triệu đồng.

- *Vốn ngân sách địa phương thực hiện theo Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh dự kiến phân bổ*: 2.499 triệu đồng.

1.2 Tình hình phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023

- *Vốn ngân sách Trung ương*: 75.337 triệu đồng. Trong đó: Chương trình MTQG XD Nông thôn mới: 26.884 triệu đồng; Chương trình MTQG phát triển

KT-XH vùng DTTS&MN: 40.640 triệu đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 7.853 triệu đồng.

- *Vốn ngân sách địa phương thực hiện theo Nghị quyết số 21,22,23/NQ-HĐND ngày 23/06/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 25.957 triệu đồng. Trong đó: Chương trình MTQG XD Nông thôn mới: 20.284 triệu đồng; Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng DTTS&MN: 4.079 triệu đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 1.595 triệu đồng.*

- *Vốn vốn ngân sách địa phương thực hiện theo Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh dự kiến phân bổ: 3.022,9 triệu đồng.*

2. Huy động nguồn lực khác

- Kết quả huy động nguồn vốn tín dụng: 500 triệu đồng thực hiện cho vay hỗ trợ nhà ở.

- Kết quả huy động nguồn vốn hợp pháp khác: 5.122 triệu đồng. Trong đó: năm 2022: 1.823 triệu đồng, năm 2023: 3.299 triệu đồng.

3. Lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình

- Tổng số dự án lồng ghép 78 dự án: Trong đó: Năm 2022: 49 dự án, năm 2023: 29 dự án. Việc lồng ghép các dự án đạt hiệu quả cao, huy động được nguồn của toàn xã hội để thực hiện các chương trình.

- Các giải pháp huy động nguồn lực khác để lồng ghép tối đa các nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo quy định đó là tăng cường tuyên truyền vận động các doanh nghiệp đóng góp vật tư, tiền mặt để thực hiện chương trình. Người dân hiến đất, đóng góp ngày công và tiền mặt để thực hiện chương trình. Kịp có các hình thức biểu dương khen thưởng để kịp thời động viên khích lệ, nêu gương các cá nhân và tổ chức đã có trong việc thực hiện chương trình.

4. Quản lý và sử dụng nguồn lực

- Nguồn ngân sách nhà nước: Việc thực hiện các thủ tục đầu tư được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành, công tác thanh toán, giải ngân nguồn vốn đầu tư; công tác chi tiêu nguồn vốn sự nghiệp được thực hiện đảm bảo về mặt thời gian theo quy định; việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội tạo điều kiện cho địa phương triển khai các nhiệm vụ đảm bảo đạt được mục tiêu nhiệm vụ và giải ngân hết kế hoạch vốn được giao.

- Nguồn vốn tín dụng: Tổng số hộ được thụ hưởng nguồn tín dụng là 22 hộ, các hộ được thụ hưởng là các nghèo. Các hộ sau khi vay vốn đã đầu tư xây dựng nhà ở đảm bảo theo quy định.

- Nguồn huy động khác: Các đơn vị được giao làm chủ đầu tư phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện có hiệu quả, đảm bảo đúng hồ sơ và dự toán được duyệt.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN, NỘI DUNG THÀNH PHẦN THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2021, NĂM 2022, 06 THÁNG NĂM 2023 VÀ ƯỚC ĐẾN NGÀY 31/12/2023

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Kết quả thực hiện các mục tiêu: Mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số 31,3 triệu đồng; Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số hàng năm trên 9%; Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông 100%; Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa 100%; Tỷ lệ trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố 100%; Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp 100%; Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 97%; Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh 100%; Mục tiêu về giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào 98%; Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi, học sinh trong độ tuổi học tiểu học, học trung học cơ sở, học trung học phổ thông đến trường; tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông 89; Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế, tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế 96; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 16,8; Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu 47%; Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng 100%; thôn có đội văn hóa, văn nghệ (*câu lạc bộ*) truyền thống 100%; Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số được đào tạo 80%.

- Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu: Nhựa hóa, bê tông hóa hoặc cứng hóa đường nông thôn, số hộ được giải quyết nước sinh hoạt, số công trình nước sinh hoạt tập trung, số trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, cơ sở dự bị đại học, trường trung học phổ thông dân tộc nội trú được tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học 100%; Số hộ được giải quyết đất ở, nhà ở, đất sản xuất, sinh kế 4.284; Số hộ được hỗ trợ sắp xếp ổn định dân cư tự do, bố trí định canh, định cư, bố trí sắp xếp ổn định dân cư vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn và khu vực cần thiết khác 100%; Số trẻ em được hỗ trợ từ “Cán bộ, chiến sĩ Quân đội nâng bước em tới trường”; Số người được đào tạo nghề, tạo việc làm 5.946; Số công trình văn hóa phi vật thể, lễ hội được phục dựng, bảo tồn; số làng bản, buôn truyền thống phục vụ phát triển du lịch 100%; số mô hình văn hóa truyền thống được xây dựng, câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian được thành lập, số thiết chế văn hoá, thể thao thôn được đầu tư 100%; số điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được xây dựng 1 điểm; Số cán bộ trong hệ thống chính trị ở cơ sở được hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin 100%; cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kiến thức về công tác dân tộc 80%.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

- Kết quả thực hiện mục tiêu cụ thể: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều 6,6; Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số 11,8%; Tỷ lệ huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn; Tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu:

+ Chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình: Số hộ nghèo, hộ cận nghèo (*so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều của quốc gia*) 2.172 hộ; Tỷ lệ huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng; Số mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh đã thực hiện; Tỷ lệ người có khả năng lao động được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp 60%; Tỷ lệ cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo 100%; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo 100%.

+ Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản: Chiều thiếu hụt về việc làm 0%; Chiều thiếu hụt về y tế 100%; Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo 0,4%; Chiều thiếu hụt về nhà ở 0%; Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh 0,8; Chiều thiếu hụt về thông tin 10%.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới: Số xã đạt chuẩn nông thôn mới 4/6 xã đạt tỷ lệ 57,1%, Có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, Có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; thu nhập bình quân của người dân nông thôn 34,7 triệu đồng.

(Có phụ lục I, II, III, IV, V kèm theo)

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHUNG ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Kết quả chung 03 chương trình: Đánh giá hiệu quả tác động các chỉ tiêu kinh tế-xã hội sau 2 năm triển khai thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn: Giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2022 trên địa bàn 7,98%/6,6% (*từ 24,86% năm 2021 xuống còn 16,88% cuối năm 2022*), đạt 121 % so với mục tiêu đề ra. Trong đó, giảm tỷ lệ hộ nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn 11,28%/6,6% (*từ 36,28% năm 2021 xuống còn 25% cuối năm 2022*), đạt 170,9 % so với mục tiêu đề ra. Xã Đăk Ruông đạt nông thôn mới nâng cao, xã Tân Lập đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; thôn 9, xã Đăk Ruông đạt chuẩn thôn nông thôn mới kiểu mẫu và 06 thôn đạt chuẩn thôn (làng) nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đạt chuẩn tăng thêm 02 tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới (*Đăk Pnê 01 tiêu chí và xã Đăk Kôi 01 tiêu chí*).

2. Kết quả thực hiện các Chương trình MTQG cụ thể

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Giảm tỷ lệ hộ nghèo ở vùng đồng bào dân tộc

thiểu số trên địa bàn 11,28%/6,6% (từ 36,28% năm 2021 xuống còn 25% cuối năm 2022), đạt 170,9 % so với mục tiêu đề ra.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022: Giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2022 trên địa bàn 7,98%/6,6% (từ 24,86% năm 2021 xuống còn 16,88% cuối năm 2022), đạt 121 % so với mục tiêu đề ra.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022: Bên cạnh giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt chuẩn. Xã Đăk Ruồng đạt nông thôn mới nâng cao, xã Tân Lập đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, thôn 9, xã Đăk Ruồng đạt chuẩn thôn nông thôn mới kiểu mẫu và 06 thôn đạt chuẩn thôn (làng) nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đạt chuẩn tăng thêm 02 tiêu chí xã nông thôn mới (Đăk Pnê 01 tiêu chí về giao thông và xã Đăk Kôi 01 tiêu chí về giao thông).

3. Đánh giá chung

3.1 Ưu điểm: Năm 2022-2023 là năm đầu tiên thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025; quá trình tổ chức triển khai thực hiện luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành nhất là sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sát sao của Huyện uỷ, Ban Thường vụ Huyện uỷ, giám sát của HĐND huyện; với sự tập trung, quyết liệt chỉ đạo, điều hành của UBND huyện do đó trong năm việc triển khai thực hiện các chương trình trên địa bàn cơ bản đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, mang lại những kết quả bước đầu; công tác giảm nghèo thực hiện vượt so với mục tiêu đề ra; Chương trình xây dựng nông thôn mới; các chính sách dân tộc, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, chăm sóc sức khoẻ, giáo dục - đào tạo... được triển khai kịp thời, góp phần từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân trên địa bàn.

2.2 Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a. Tồn tại, hạn chế:

- Công tác triển khai thực hiện Chương trình MTQG trên địa bàn còn gặp một số khó khăn, vướng mắc; quá trình thực hiện hoàn thành các hồ sơ, thủ tục theo quy định có nội dung triển khai còn chậm, lúng túng.

- Một số quy định, hướng dẫn về định mức, chính sách hỗ trợ chậm được ban hành dẫn đến đơn vị, địa phương gặp khó khăn trong việc tổ chức triển khai thực hiện.

- Công tác xã hội hóa huy động nguồn lực trong Nhân dân, doanh nghiệp nhất là tại các thôn, xã đặc biệt khó khăn còn hạn chế, nhiều khó khăn.

b. Nguyên nhân

- Việc bố trí nguồn vốn thực hiện các Chương trình MTQG trong quý III năm 2022, trong khi các văn bản hướng dẫn từ Trung ương đến địa phương chậm được ban hành.

- Địa bàn có số lượng doanh nghiệp ít; phạm vi nhỏ, hiệu quả hoạt động thấp; đời sống người dân nhất là người dân sinh sống ở địa bàn thôn, xã đặc biệt khó khăn còn nhiều khó khăn.

- Công tác phối hợp giữa các đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn có lúc thiếu chặt chẽ, không kịp thời trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Về lãnh đạo, chỉ đạo: Xác định rõ từng nhiệm vụ cụ thể, triển khai sâu rộng các văn bản chỉ đạo của các cấp. Cần phải kiên trì để thực hiện mục tiêu đề ra trong cả hoạch định chính sách, tổ chức thực hiện, tránh chủ quan nóng vội, bệnh thành tích. Cấp uỷ, chính quyền các cấp phải quán triệt đầy đủ trách nhiệm và vai trò lãnh đạo của mình; phải huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội mới có thể thành công

2. Về phối hợp thực hiện: Tăng cường giữa chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị trong quá trình khai thực hiện chương trình. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm trong chỉ đạo. Thực tế cho thấy nơi nào, địa phương nào cấp uỷ, chính quyền quan tâm chỉ đạo, có sự phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị ở địa phương, thực hiện phân cấp, mở rộng sự tham gia của người dân thì nơi đó giảm nghèo đạt hiệu quả cao và ngược lại.

3. Về tổ chức triển khai các dự án, chính sách: Tổ chức triển khai thực hiện các dự án đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương. Các chính sách và nguồn lực phải được công khai, minh bạch, hỗ trợ đúng đối tượng và hiệu quả; chuyển dần từ hình thức hỗ trợ cho không sang hình thức hỗ trợ có điều kiện hoặc có thu hồi để người dân có ý thức bảo toàn vốn, tránh tư tưởng ỷ lại vào sự hỗ trợ cho không của Nhà nước.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2023-2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRONG GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2023-2025

1. Mục tiêu, nhiệm vụ và mức độ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ từng chương trình mục tiêu quốc gia đến năm 2025

1.1 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giai đoạn 2022-2025 vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 6,6%; phấn đấu có 2 xã, 1 thị trấn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn (*tỷ lệ xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn đạt trên 100%*); 100% hộ dân tộc thiểu số có đất ở, đất sản xuất; Làng có nhà rộng

truyền thông được sửa chữa, trùng tu định kỳ; trên 100% hộ dân tộc thiểu số sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

1.2 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025: Phân đầu tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều toàn huyện giảm bình quân 6,6%/năm.

1.3 Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: 100% xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 1 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (xã Đăk Ruông) và 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (xã Tân Lập). Trong các xã đạt chuẩn nông thôn mới, phân đầu có ít nhất 01 thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; 100% xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng Luật Hợp tác xã. Huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Phân đầu có trên 50% số thôn (*làng*) vùng đồng bào dân tộc thiểu số được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo các tiêu chí thôn nông thôn mới do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Cân đối nguồn lực từ ngân sách nhà nước, huy động nguồn lực khác và sử dụng nguồn lực

- Đề xuất nguồn lực từ ngân sách trung ương theo từng nội dung, dự án thành phần và danh mục dự án đầu tư thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia: 196.878 triệu đồng. Trong đó: Vốn đầu tư phát triển: 103.328 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 41.486 triệu đồng.

- Kế hoạch cân đối nguồn lực từ ngân sách địa phương theo từng nội dung, dự án thành phần và danh mục dự án đầu tư thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia. 47.038 triệu đồng. Trong đó: Vốn đầu tư phát triển: 41.177 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 5.861 triệu đồng.

- Kế hoạch bố trí vốn ngân sách địa phương thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi: 1.000 triệu đồng; khả năng huy động nguồn vốn tín dụng, vốn hợp pháp khác cho thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia: 4.026.

3. Các nhiệm vụ trọng tâm cần hoàn thành trong giai đoạn 2023-2025 theo từng chương trình mục tiêu quốc gia

- Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về ý nghĩa, mục đích, sự cần thiết của từng chương trình mục tiêu quốc gia nhằm tạo sự đồng thuận và hưởng ứng của toàn xã hội; nâng cao chất lượng, hiệu quả các phong trào thi đua “*Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*”, “*Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*” và các Cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững*”, “*toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”.

- Xây dựng và nhân rộng những mô hình hay, việc làm hiệu quả trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia nhằm tạo sự lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Xây dựng khung kế hoạch, lộ trình thực hiện và giao chỉ tiêu, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân, tổ chức, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu.

- Tổ chức rà soát, đánh giá sát đúng tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo từng nội dung, tiêu chí cụ thể; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, triển khai các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế.

- Lựa chọn các nội dung, nhiệm vụ ưu tiên để thực hiện trên cơ sở phát huy lợi thế sẵn có của địa phương; xây dựng mô hình mẫu, điển hình theo từng tiêu chí để nhân rộng; chú trọng công tác sơ tổng kết, khen thưởng, vinh danh các tập thể, cá nhân thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Đẩy mạnh công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn và phát triển đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Phân công và phát huy vai trò trong việc vận động, hướng dẫn người dân thay đổi nếp nghĩ, cách làm, vươn lên thoát nghèo bền vững.

4. Giải pháp quản lý, tổ chức thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia

- Kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng tập trung, thống nhất, tinh gọn.

- Đẩy mạnh triển khai các chủ trương, định hướng về phân quyền, phân cấp giữa cấp tỉnh với các cấp địa phương trong xây dựng, tổ chức quản lý và thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, đảm bảo phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán của các dân tộc, địa phương.

- Thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ở các cấp, các ngành từ khâu chuẩn bị đến thực hiện dự án nhằm đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, lãng phí trong quá trình thực hiện.

- Cập nhật, hoàn thiện dữ liệu phục vụ công tác theo dõi, phân tích và đánh giá việc thực hiện các chương trình trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin.

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ VỚI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

I. KIẾN NGHỊ VỀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

1. Cơ chế chính sách quản lý, tổ chức thực hiện chung cho các chương trình mục tiêu quốc gia: Không.

2. Cơ chế chính sách quản lý, tổ chức thực hiện riêng theo từng chương trình mục tiêu quốc gia: Không.

II. CÁC KIẾN NGHỊ KHÁC: Đề nghị UBND tỉnh có kiến nghị với Bộ, ngành Trung ương sớm có Hướng dẫn thực hiện dự án Dự án 1 về hỗ trợ đất ở, hỗ trợ nhà ở và đất sản xuất và tiểu dự án 2 của Dự án 10 về Hỗ trợ thiết lập các

điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND xã thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa được cấp có thẩm quyền ban hành, nên các dự án chưa triển khai thực hiện được.

Trên đây là Báo cáo của UBND huyện về tình hình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2023, giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2023-2025 và định hướng triển khai trong giai đoạn 2026-2030./.

Nơi nhận:

- Như trên (b/c);
- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- BCĐ các Chương trình MTQG huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thủy